

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-ST
Ngày: 24-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**
2. Ông **Nguyễn Hồng Quân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2021/TLST-HS, ngày 15 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS, ngày 23/8/2021 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án số: 03/TB-TA, ngày 14/9/2021 đối với bị cáo: **Võ Thành N**, sinh năm 1987, tại huyện tại Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn B (Đã chết) và bà Nguyễn Thị S; Vợ Kim Huệ G (Đã ly hôn); Có 01 người con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án (Ngày 21/11/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố L tuyên phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong 11/11/2020, chưa xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/6/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị **Kim Thị H**, sinh năm 2000, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Khóm 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chị **Trần Thị K**, sinh năm 1980, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Huỳnh Đức M**, sinh năm 1989, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Nơi cư trú: Khóm 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1958, có mặt;
Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

- **Người làm chứng:**

Ông **Lư Văn Đ**, sinh năm 1967, có đơn xin xét xử vắng mặt;
Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- **Người phiên dịch:** Ông **Kim Trường Mu N** – Công tác tại Ban nhân dân ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 28/4/2021, bị cáo Võ Thành N đi chơi về thì bị cáo có ghé vào cổng Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Tiểu Cần để đón xe ôm đi về nhà của bị cáo tại ấp C, xã H. Khi đến cổng Bệnh viện thì bị cáo không tìm được xe ôm nên bị cáo đi đến chốt Bảo vệ ngay cổng Bệnh viện gặp anh Bảo vệ không biết họ tên khoảng 30 tuổi, bị cáo xin vào ngủ trong công trình của Bệnh viện vì trước đây bị cáo có làm hồ cho công trình xây dựng của Bệnh viện. Nói xong, bị cáo N đi vào trong Bệnh viện và đi đến phòng số 02 của khoa sản thấy cửa phòng không có khóa cửa, trong phòng có người nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bệnh nhân trong phòng bệnh số 02, tiếp đó bị cáo đẩy nhẹ cửa phòng ra và thấy 02 người phụ nữ đang nằm trên giường bệnh, mỗi người nằm một giường đang ngủ say nên bị cáo bước vào trong phòng tiến lại giường thứ nhất của chị Trần Thị K đang ngủ, trên đầu giường có 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu trắng, bị cáo N đã lấy trộm điện thoại, sau đó tiến đến đầu giường thứ hai của chị Kim Thị H cũng đang ngủ say, trên đầu giường có 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màu xanh, bị cáo tiếp tục lấy trộm thêm điện thoại của chị H và nhanh chóng đi ra khỏi phòng bệnh nhưng bị chị H phát hiện, chị H la lên “Ăn trộm, ăn trộm” và đuổi theo, lúc đó bị cáo N đã ra khỏi phòng và chạy ra khỏi cổng Bệnh viện, đi bộ về nhà ở ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi về đến nhà bị cáo cất giấu 02 điện thoại vừa trộm được ở tủ chén nhà sau của mình, sau đó bị cáo đi ngủ. Đối với 01 ốp lưng bằng nhựa, 01 thẻ nhớ và 01 sim, mạng Viettel, tài khoản của điện thoại Samsung A21S là 0 đồng, sau khi trộm được bị cáo đã bỏ xuống sông Cần Chông.

Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 28/4/2021, bị cáo thuê anh Lư Văn Đ, sinh năm 1967, ngụ ấp C, xã H chở bị cáo đến cửa hàng điện thoại của anh Huỳnh Đức M, sinh năm 1989, ngụ khóm 6, thị trấn C để bán điện thoại Samsung A21S với số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết 300.000 đồng.

Sau khi bị mất trộm chị Kim Thị H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trình báo sự việc trên. Qua làm việc, bị cáo Võ Thành N đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của chị H, chị Trần Thị K như đã nêu trên. Bị cáo tự nguyện giao nộp lại số tiền 1.500.000 đồng và giao nộp lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37, màn hình cảm ứng, màu trắng.

Tại bản kết luận định giá số: 16/KL.HĐ, ngày 20/5/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận: Giá trị 01 điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màn hình cảm ứng, màu xanh, giá trị thành tiền là 2.590.000 đồng. Giá trị 01 điện thoại di động hiệu oppo A37, màn hình cảm ứng, màu trắng, giá trị thành tiền là 1.645.000 đồng (Theo giá thị trường tại thời điểm ngày 28/4/2021).

Giá trị 01 ốp lưng bằng nhựa của điện thoại di động hiệu Samsung A21S, giá trị thành tiền là 70.000 đồng. Giá trị 01 thẻ nhớ dung lượng 16GB, giá trị thành tiền là 210.000 đồng. Giá trị 01 sim điện thoại mạng Viettel, giá trị thành tiền là 50.000 đồng (Theo giá thị trường tại thời điểm ngày 28/4/2021). Tổng giá trị tài sản thiệt hại là: 4.565.000 đồng.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo N còn có hành vi có sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 26/4/2021 nên Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, với số tiền 750.000 đồng.

Qua xác minh không xác định được đối tượng nào tên Q bán ma túy ở khu vực chợ Bắc Trang thuộc ấp Chợ, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, đã bán ma túy cho bị cáo N sử dụng nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nếu có cơ sở sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với anh Huỳnh Đức M không biết tài sản mà bị cáo đem bán là do trộm cắp mà có nên không đặt ra xử lý.

Về vật chứng đồ vật, thu giữ gồm có: Bị cáo Võ Thành N giao nộp 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu trắng, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng và tiền Việt Nam: 1.500.000 đồng; Anh Huỳnh Đức M nộp 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng; Bà Nguyễn Thị S mẹ bị cáo N đã nộp số tiền 1.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra bị hại chị Kim Thị H khai khi mất điện thoại hiệu Samsung A21S, chị còn bị mất 01 ốp lưng điện thoại, 01 sim điện thoại mạng Viettel, tài khoản không đồng và 01 thẻ nhớ nhưng Cơ quan Công an điều tra không thu giữ được.

Cơ quan điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng đồ vật, tài liệu như sau: Trả cho chị Kim Thị H 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng; trả lại cho chị Trần Thị K 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu trắng, màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng; Trả cho anh Huỳnh Đức M số tiền 1.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Kim Thị H, chị Trần Thị K đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Riêng đối với 01 thẻ nhớ, 01 sim điện thoại, 01 ốp lưng điện thoại chị H không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bà Nguyễn Thị S không có yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền mà bà đã nộp để bồi thường. Anh Huỳnh Đức M đã nhận lại đủ số tiền 1.800.000 đồng, không có yêu cầu bị cáo N phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKS-HS, ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Võ Thành N, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo

quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thành N thừa nhận: Nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh nêu về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, đồng thời cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng, bị cáo không có ý kiến trình bày bổ sung đối với nội dung bản cáo trạng đã công bố và bản cáo trạng mà bị cáo đã nhận cũng như không có khiếu nại gì về các quyết định cũng như các hành vi của Cơ quan Công an điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện T cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án. Bị cáo N yêu cầu được nhận lại số tiền còn dư mà mẹ bị cáo đã nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị hại chị Kim Thị H, chị Trần Thị K khai vào ngày 28/4/2021, chị H và chị K có mất tài sản là 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu trắng; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màu xanh, 01 ốp lưng bằng nhựa, 01 thẻ nhớ và 01 sim, mạng Viettel, tài khoản của điện thoại Samsung A21S là không đồng. Chị H, chị K đã nhận lại được tài sản mất trộm nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Riêng đối với 01 thẻ nhớ, 01 sim điện thoại, 01 ốp lưng điện thoại, chị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Về trách nhiệm hình sự chị H, chị K yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Đức M khai có mua 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung A21S, màu xanh của bị cáo N với giá 1.800.000 đồng, khi mua điện thoại anh không biết tài sản do bị cáo N trộm mà có. Anh M đã giao nộp điện thoại cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện T, anh đã nhận đủ số tiền mua điện thoại là 1.800.000 đồng nên anh không có yêu cầu gì trong vụ án này, anh yêu cầu xét xử vắng mặt.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S: Bà là mẹ ruột của bị cáo Võ Thành N, bà có đã nộp tiền để khắc phục cho bị cáo N tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T số tiền 1.000.000 đồng. Bà cho bị cáo N và không yêu cầu bị cáo N phải trả số tiền này cho bà nếu số tiền bà nộp khắc phục thay cho bị cáo xong còn dư bà cũng không yêu cầu trả cho bà, bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo N.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; 50, 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Võ Thành N từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 12/6/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Kim Thị H, chị Trần Thị K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Đức M đã nhận lại tài sản cùng không

có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bà đã nộp nên không đặt ra xem xét.

- Về biên pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Trả cho bị cáo Võ Thành N số tiền 700.000 đồng.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Võ Thành Nhơn phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ Thành N nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi người bị hại, trong quá trình tạm giam bị cáo đã ăn năn về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị Kim Thị H, chị Trần Thị K; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Đức M; Người làm chứng ông Lư Văn Đ vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Võ Thành N đã khai nhận: Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 28/4/2021, bị cáo lén lút trộm cắp tài sản là 01 (Một) điện thoại di động hiệu, Oppo A37, màu trắng của bị hại Trần Thị K và 01 (Một) điện thoại di động, hiệu SamSung A21S, màu xanh (Kèm 01 ốp lưng, 01 sim, và 01 thẻ nhớ) của chị Kim Thị H với tổng giá trị tài sản thiệt hại 4.565.000 đồng đúng như cáo trạng đã truy tố.

[4] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của bị cáo trước đây tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại. Vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận của Hội đồng định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tình tiết và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định: Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 28/4/2021, bị cáo Võ Thành N đã lén lút trộm cắp tài sản là 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu trắng của bị hại Trần Thị K và 01 (Một) một điện thoại di động, hiệu SamSung A21S, màu xanh (Kèm 01 ốp lưng, 01 sim, và 01 thẻ nhớ) của chị Kim Thị H với tổng giá trị tài sản thiệt hại 4.565.000 đồng nên hành vi của bị cáo Võ Thành N đã đủ yếu tố

cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Từ lẽ đó, xét Bản cáo trạng số: 34/CT-VKS-HS, ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo ra trước Tòa hôm nay về hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tội phạm bị cáo thực hiện tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, bản thân bị cáo nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài, bị cáo đã phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Bản thân bị cáo có 01 tiền án nhưng chưa được xoá án tích, để góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ và cần xử phạt bị cáo với mức án tù có thời hạn như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trình độ học vấn còn thấp, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Kim Thị H, chị Trần Thị K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Đức M đã nhận lại tài sản cùng không có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bà đã nộp nên không đặt ra xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng vụ án, án phí: Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thành N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Võ Thành N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Kim Thị H, chị Trần Thị K; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Đức M đã nhận lại tài sản cùng không có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bà đã nộp nên không đặt ra xem xét.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Trả cho bị cáo Võ Thành N số tiền 700.000 đồng. *(Nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục quản lý số tiền 700.000 đồng của bị cáo Võ Thành N để đảm bảo thi hành án, số tiền 700.000 đồng được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an*

huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nộp tại biên lai thu tiền số 0000137, ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Võ Thành N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- CQ THAHS CA H. Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

